TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 193/2024/DS-PT Ngày 25 - 4 - 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2023) (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số A, đường Đ, khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Phan Cẩm H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1964 (theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2023) (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số B, đường L, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Q là nguyên đơn; Bà Phan Cẩm H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị Q trình bày: Ngày 22/12/2021 bà Phan Cẩm H có vay của bà số tiền 300.000.000 đồng và đưa cho bà G chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm cho việc vay nợ. Khi vay có viết giấy cầm số và bà H có ký nhận, thời hạn thanh toán là một năm, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Đến ngày 24/6/2022 bà H vay thêm của bà Q số tiền 150.000.000 đồng, có viết biên nhận và bà H có ký nhận, tổng số tiền hai lần vay là 450.000.000 đồng. Quá trình vay bà H có trả lãi cho bà. Đến ngày 31/3/2023 bà H trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng và bà đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho bà H giữ nhưng sau đó bà H chỉ hứa hẹn và không thanh toán số tiền nợ còn lại 250.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 29.364.166 đồng, tổng số tiền vốn và lãi 279.364.166 đồng.

Bị đơn bà Phan Cẩm H trình bày: Ngày 22/12/2021 bà H có vay của bà Q số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 24/6/2022 bà H vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, tổng số tiền 450.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 6%/tháng. Sau khi vay tiền hàng tháng bà H có trả vốn và lãi cho bà Q (trả trực tiếp và chuyển khoản), đến ngày 17/6/2023 tổng số tiền đã trả 421.600.000 đồng (ngày 31/3/2023 trả 200.000.000 đồng). Nay bà H yêu cầu xem xét điều chỉnh lại mức lãi suất theo mức lãi suất nhà nước quy định, nếu vượt quá trừ vào số nợ gốc, nếu còn thừa buộc bà Q trả lại cho bà.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, buộc bà Phan Cẩm H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Q số tiền 161.042.500 đồng *(Một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).*

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, về yêu cầu bà Phan Cẩm H trả cho bà Q số tiền chênh lệch là 118.321.666 đồng.

Ngày 06/02/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 16/02/2024, bị đơn bà Phan Cẩm H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm theo hướng chấp nhận số tiền lãi 54.000.000đ bà đã trả cho nguyên đơn và tính lại lãi suất. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Q và kháng cáo của bà Phan Cẩm H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Q về việc sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu bà, thấy rằng:

Giao dịch vay tiền giữa bà Q với bà H được đôi bên thừa nhận và thống nhất vào ngày 22/12/2021 bà Phan Cẩm H có vay của bà Trần Thị Q số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là một năm, lãi suất thỏa thuận, bà H có giao cho bà Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữ làm tin; Đến ngày 24/6/2022 bà H vay thêm của bà Q số tiền 150.000.000 đồng, tổng số tiền là 450.000.000 đồng. Quá trình vay bà H có trả lãi và đến ngày 31/3/2023 bà H trả cho bà Q số tiền 200.000.000 đồng (chứng từ giao dịch ngày 31/3/2023 được các đương sự thừa nhận là tiền gốc) và bà Q đã giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho bà H, số tiền nợ vốn đôi bên thừa nhận là 250.000.000 đồng.

Tuy nhiên đôi bên không thống nhất về lãi suất, nguyên đơn cho rằng 3%/tháng, bị đơn xác định 6%/tháng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không thống nhất lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tức là 10%/năm (0,83%/tháng) như cấp sơ thẩm đã áp dụng là đúng pháp luật.

Vậy khoản tiền lãi được điều chỉnh lại như sau:

- Từ ngày 22/12/2021 đến ngày 24/6/2022 là 06 tháng 03 ngày, số tiền vay 300.000.000 đồng, tiền lãi được tính như sau: 300.000.000đ x 0,83% x 06 tháng 03 ngày = 15.189.000 đồng.

- Từ ngày 24/6/2022 đến ngày 31/3/2023 là 09 tháng 07 ngày, số tiền vay 450.000.000 đồng, tiền lãi được tính như sau: 450.000.000đ x 0,83% x 09 tháng 07 ngày = 34.486.500 đồng.

- Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 01/02/2024 là 10 tháng, số tiền vay 250.000.000 đồng, tiền lãi được tính như sau: 250.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng = 20.750.000 đồng.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận mức lãi 78.642.500 đồng là chưa chính xác, do đó cần điều chỉnh lại tổng ba khoản lãi bằng 70.425.500 đồng.

Đối với khoản lãi đã thanh toán bà H cho rằng đã trả lãi cho bà Q là 167.600.000 đồng, bà Q thừa nhận có nhận khoản tiền này nhưng cho rằng trong đó có khoản tiền bà cho mượn lại và đã chuyển khoản lại 92.400.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bà H thừa nhận có nhận chuyển khoản lại nhưng trong đó bà Q nhờ chuyển cho bà N1 72.400.000 đồng và đã trả lại bằng tiền mặt 20.000.000 đồng, lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận trong khi đó bị đơn không có chứng cứ để chứng minh, do vậy việc bà Q đã chuyển lại 92.400.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Vậy sau khi đối trừ khoản tiền lãi đã trả được chấp nhận là 75.200.000 đồng.

Đối trừ các khoản số tiền bà H tiếp tục thanh toán cho bà Q là 250.000.000 đồng + 70.425.500 đồng - 75.200.000 đồng = 245.225.500 đồng. Đối trừ chênh lệch yêu cầu của bà Q không được chấp nhận 34.138.666 đồng.

Từ phân tích trên cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Q.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Cẩm H yêu cầu chấp nhận số tiền lãi 54.000.000đ bà đã trả lãi cho nguyên đơn và tính lại lãi suất, thấy rằng:

Bà H cho rằng có trả cho bà Q 03 lần bằng tiền mặt với số tiền 54.000.000 đồng; trong đó có thông qua việc nhờ bà Hứa Hiền N2 trả dùm 18.000.000 đồng; bà N2 thừa nhận có việc trả dùm đúng như lời trình bày của bà H, song bà Q hoàn toàn không thừa nhận và cho rằng giữa bà và bà N2 có mối quan hệ giao dịch tiền khác. Với việc trả tiền giao trực tiếp không có chứng cứ gì và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bà H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lý lẽ của mình, nên chưa đủ cơ sở kết luận khoản tiền 54.000.000 đồng bà H đã trả lãi cho bà Q, do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với số tiền 18.000.0000 đồng, bà N2 thừa nhận có nhận và chuyển dùm đây là mối quan hệ giữa bà H với bà N2, giữa bà N2 với bà Q do vậy nếu có tranh chấp được giải quyết bằng vụ việc khác.

Về kháng cáo của bà H yêu cầu xem xét tính lại lãi suất, như phân tích tại mục [1] lãi suất được xác định lại là 70.425.500 đồng. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn về lãi suất.

[3] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Q; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Cẩm H, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bà Trần Thị Q và bà Phan Cẩm H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Q. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Cẩm H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, buộc bà Phan Cẩm H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Q số tiền 245.225.500 đồng *(Hai trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).*

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, về yêu cầu bà Phan Cẩm H trả cho bà Trần Thị Q số tiền chênh lệch là 34.138.666 đồng *(Ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu nghìn).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị Q phải chịu số tiền 1.706.933 đồng. Ngày 10/10/2023 bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.577.000 đồng theo biên lai số 0007492 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu, đối trừ bà Q được nhận lại số tiền 4.870.067 đồng.

Bà Phan Cẩm H phải chịu là 12.261.000 đồng (chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Q không phải chịu. Ngày 19/02/2024 bà Trần Thị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số 0004491 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Bà Phan Cẩm H không phải chịu. Ngày 16/02/2024 bà Phan Cẩm H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số 0004487 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng